

Chương 2

Myriam Trong Môi Trường Do Thái

Đức Maria là ai? Khi gọi tên Maria đưa nghĩ tới một cô thiếu nữ Do thái tên Myriam, mẹ Đức Giêsu làng Nazareth. Đó thuộc những gì được biết chắc chắn nhất về Đức Maria hiện hữu nơi trần gian. Ngoài ra không có yếu tố nào ghi rõ về cuộc đời riêng tư như ngày tháng, năm sinh, nơi sinh, qua đời vào lúc nào, và ở đâu. Lại càng khó hơn khi muốn biết Đức Maria có hình dáng nào, khuôn mặt nào, và những chi tiết ngài sống hằng ngày ra sao. Ngài giản dị mang tên Myriam, một thiếu nữ Do thái sống trên mảnh đất Ítraen, và làm mẹ một người con mang tên Giêsu.

Ngày nay các nhà nghiên cứu đều đồng ý Đức Giêsu sinh ra vào khoảng năm thứ 5 trước công nguyên, một ít lâu trước khi vua Hêrôđê Cả qua đời vào tháng ba năm thứ 4 trước công nguyên. Nếu như Đức Maria giống các thiếu nữ Do thái thời bây giờ thường được thuận cưới theo phong tục vào khoảng năm mười hai hoặc mười ba tuổi. Như vậy, Đức Maria sinh ra vào khoảng năm 20 hoặc năm 18 trước công nguyên, vào lúc vua Hêrôđê Cả đang tái thiết Đền thờ Giêrusalem. Theo truyền thống, Đức Maria sống ít nhất khoảng năm mươi năm.

Vào năm 30, ngài còn có đó với các môn đệ theo sách Công vụ tông đồ (1,14), vì thế Đức Maria thời đó được đặt vào hạng “trưởng lão”. Đức Maria có thể qua đời vào thập niên sau đó.

Về nơi Đức Maria qua đời có hai truyền thống: Truyền thống xưa cổ nhất đặt ở Giêrusalem và mộ ngài còn được tôn kính trong thung lũng Cédron; truyền thống thứ hai cho ngài qua đời tại Êphêxô trên đỉnh đồi Panhya Kapulu, vì Đức Maria về đây theo tông đồ Gioan. Truyền thống được biết tới qua Đức Giám mục Epiphane thành Salamine vào năm 403, và truyền thống La tinh chỉ nói tới vào thế kỷ thứ VI. Vì thế truyền thống cho Đức Maria qua đời tại Giêrusalem vững hơn. Các nhà khảo cổ dòng Phan Sinh tên Bagatti, Picirillo và Prodomo đã khám phá ra tại thung lũng Cédron ngôi mộ được coi như của Đức Maria; và cũng nơi đó còn dấu vết nhiều thánh đường xây cất chồng lên nhau để kính Đức Trinh Nữ.

Theo nảo trạng Do thái, người ta không vẽ hình ảnh. Maria thuộc thiếu nữ Do thái thời đại bấy giờ. Người nhỏ con, da ngăm như lời sách Diễm ca 1,5: *“Này các thiếu nữ Giêrusalem, da tôi đen, nhưng nhan sắc mặn mà như lều Kêđã, tựa trướng Xanma”*. Giống như lều người Ả rập du cư (bédouin), dệt bằng lông dê, các thiếu nữ Ítraen râm nắng mặt trời. Mắt đen *“sẫm hơn rượu”* như dòng dõi Giuđa (St 49,12). Các cô thường có mái tóc dài, óng ánh theo Đông phương. Khi ra ngoài đầu được che bởi một phần áo choàng để tránh nắng, hoặc đôi khi có tấm khăn phủ đầu. Trên đầu có một vòng tròn để đội vò nước lấy từ giếng. Chân mang dép bằng da hay bằng gỗ có giây cột để đi trên đá. Có thể thấy hình ảnh các cô theo sách Diễm ca 7,2-10 viết về người Yêu dấu.

Trước khi đưa các yếu tố làm nên những công thức đức tin vì sứ mệnh đặc biệt Đức Giêsu, Đức Maria mang thân phận tâm thường

bám sâu vào xã hội Do thái thời bấy giờ. Dù khó viết được cuộc đời Đức Maria một cách chính xác, nhưng có thể xem môi trường gia đình, xã hội, tôn giáo các thiếu nữ Do thái thời đó, và qua những dữ kiện trên có thể đoán được cách tỏ tường hơn cuộc sống thường nhật của Đức Maria.

A. TRÊN MÀNH ĐẤT PALESTINE

Xứ Palestine bao gồm các miền Giuđa, Samarie và Galilê là một quốc gia nhỏ thuộc miền Trung Đông, được các bộ tộc Do thái đến cư ngụ từ khoảng thế kỷ thứ X trước công nguyên. Palestine thời Đức Maria bị người La mã đô hộ sau một chuỗi ngày dài lịch sử dao động chiến tranh và lưu đày. Nền hòa bình đang có rất mong manh vì người Do thái bị nhục nhã và mang lòng căm hờn muốn thoát khỏi nền đô hộ La mã. Một số nhóm kháng chiến như nhóm Xêlôte kéo theo giới trẻ đánh du kích vào quân đóng chiếm. Người La mã dập tắt các cuộc nổi dậy một cách đẫm máu. Ngoài ra dân Do thái còn phải trả thuế cho người La mã. Trước cảnh nhục nhã như bị nhóm người nghịch đạo bắt bớ, cho nên người Do thái trông chờ Đấng thiên sai đến giải phóng, đánh đuổi quân đô hộ lấy lại phẩm giá cho Ítraen.

Giêrusalem thuộc thành phố lớn và quan trọng trong xứ Palestine. Tại đó có Đền thờ và hàng quý tộc tư tế. Sau những biến động xảy ra tại Đền thờ. Người Do thái cho Đền thờ bị ô uế vì bước chân kẻ nghịch đạo đã dẫm lên Đền thờ. Họ nổi dậy chống đối quân La mã mạnh mẽ nhưng bị dập tắt tàn bạo. Cuối cùng người La mã cũng cho người Do thái được tự trị về mặt tôn giáo. Đền thờ cũng có cơ chế riêng gồm các thầy cả, ký lục và những người điều hành lo việc đón khách hành hương đến dâng Cửa lễ. Tất cả việc làm cho sinh hoạt kinh tế thật phồn thịnh. Mỗi gia đình phải trả sưu thuế cho Đền thờ qua công việc gặt hái từ đồng áng, hoa quả và chăn nuôi.

Miền Galilê nơi có thị trấn Nazareth thuộc miền Bắc xứ Palestine. Galilê nhận nhiều nhóm di dân đến cư ngụ. Trong số đó có đám người mà dân Do thái gọi dân ngoại định cư đã lâu đời. Từ thành Giêrusalem, người ta nhìn về miền Bắc Galilê không mấy thiện cảm nên họ thường gọi “Galilê các dân tộc” hoặc “Galilê dân ngoại”. Dân Do thái tại Giêrusalem cho rằng chẳng có gì tốt có thể đến từ miền Galilê. Nazareth một thị trấn khiêm tốn nhưng cũng không đến nỗi quá tệ như lời ông Nathanael theo Tin mừng Gioan (1,46; 21,2): “*Từ Nadarét, làm sao có cái gì hay được?*”. Thị trấn Nazareth còn có tên Nazara (Mt 4,13; Lc 4,16) nằm trên một ngọn đồi xanh mướt với những khu rừng chung quanh. Thị trấn cách xa những trục lộ giao thông quan trọng, nằm chĩa ra một thung lũng nhỏ phi nhiêu. Vì thế nơi có dốc đứng, và trong Tin mừng cho biết có lần Đức Giêsu suýt bị người dân đẩy xuống vực (Lc 4,29). Dân thị trấn phải đi hơn 500m để lấy nước tại giếng công cộng duy nhất nằm phía Đông Bắc thị trấn. Trước khi mặt trời lặn, các phụ nữ với vò nước phải đi ra lấy nước và vác về cực nhọc. Cách đó 2km, có thể nhìn xuống đồng bằng Esdredon hay Yzréel với nhiều cánh vườn phong phú, những nông trại, những chủ vườn và những thợ làm vườn như Đức Giêsu đã nói trong Tin mừng Máttêu 20,8. Thị trấn Nazareth không nổi tiếng, và Cựu ước cũng như nền văn chương Rabbi cũng không nhắc tới. Nhưng điều kinh ngạc xảy đến với cuộc đào quật khảo cổ năm 1955 và 1970 trước khi xây cất vương cung thánh đường Truyền Tin ngày nay. Người ta đào sỏi thấy có những bức tường đến từ thời Trung cổ của thánh đường Thancrède, những yếu tố của một thánh điện thời Byzantine vào thế kỷ thứ V, và còn thấy những dấu tích một công trình xây cất trước đó giống như những ngôi nhà-hội đường miền Galilê vào thế kỷ thứ III công nguyên. Có những nét chữ trên tường bằng than hay được khắc trên đá cũng được khám phá. Người ta còn khám phá ra một cột dưới

gian giữa một thánh đường Byzantine cổ có nét chữ Hy Lạp “Xe Maria = kính chào Đức Maria”. Bên cạnh hang động được từ lâu tôn kính, nơi coi như nhà Đức Maria. Ngoài giếng rửa tội, còn thấy những nét chữ và hình vẽ biểu tượng tìm thấy chung quanh đó. Từ thế kỷ thứ III, những chứng từ trên nói lên việc tôn kính của người Kitô giáo dành cho Đức Maria. Theo các nhà khảo cổ, các Kitô hữu gốc Do thái nói tiếng Hy Lạp mang lòng tôn kính đặc biệt cho nơi này. Vì thế rất có thể một thế kỷ trước đó thánh Luca có thể lấy những truyền thống đến từ nơi đặc biệt này. Giả thuyết khả thi, vì khuôn mặt Đức Maria nổi bật trong một cộng đoàn Kitô hữu gốc Do thái.

Các nhà khảo cổ đào sâu xuống đến tận tầng đá khám phá ra nền đá của một làng. Từ thế kỷ thứ VII trước công nguyên, người ta đã đào vào tầng đá vôi. Nơi đó tìm thấy những tháp Xilô chứa thực phẩm, những máy ép dầu, những hầm chứa dầu và rượu, những bể chứa nước hứng từ nước mưa hầu tránh phải đi lấy nước từ xa, những đèn thắp sáng đến từ thời Hêrôđê Cả. Cuối cùng họ còn tìm thấy những hang thiên nhiên hay đào vào trong đá, nằm dưới những ngôi nhà. Vào năm 2009, các nhà khảo cổ Do thái đào thấy cơ bản một ngôi nhà ở bao gồm hai gian, một sân, một thùng đào trong đá với những chiếc chum bằng đất sét hay bằng đá mang dấu ấn miền Galilê. Tất cả những khám phá trên nằm cách khoảng 100m vương cung thánh đường Truyền Tin. Trong làng nêu trên, ngôi nhà Đức Maria có thể ở trên hang đá được gọi Truyền Tin. Giống như những ngôi nhà khác, một ngôi nhà nhỏ hình vuông với thềm bằng đất, một sân nhỏ trong đó có một bếp lò bằng gạch và một bể chứa đựng nước đào trong đá để hứng nước mưa.

Thị trấn nhỏ với khoảng năm mươi gia đình, tương đối nghèo nhưng đầy sức sống với những nơi chật hẹp. Dân thị trấn biết nhau vì

thể họ rất ngạc nhiên thấy Đức Giêsu đọc và chú giải sách Thánh trong ngày Sabát tại hội đường (Lc 4,16-30). Làm sao “con ông Giuse” lại có thể đồng hóa vào vị ngôn sứ do Isaia loan báo (61,1-2)?

Bầu khí thị trấn Nazareth hoàn toàn khác biệt với thành Sepphoris hay ngay với làng đánh cá Caphácnaum được xây cất bằng đá Basan. Người dân thường sinh sống trong những căn phòng thấp cận kề nhau chung quanh một cái sân với lối đi vào chung nằm ngay ra trên một những con đường. Nghề đánh cá khá phồn thịnh và vì thế phải trả thuế nhiều (Mt 9,1.10tt). Tại thành Sepphoris được xây cất trên một ngọn đồi gần thị trấn Nazareth có nhiều dãy nhà thanh lịch và đường xá lát gạch đá vôi. Dưới triều đại Hêrôđê Antipas, người ta xây một nhà hát. Hai chợ lớn khá quan trọng với những hàng hóa do các đoàn người đi buôn bán mang đến từ xa. Cuộc sống người phụ nữ Nazareth khó và không thiếu việc làm.

B. NGƯỜI ĐÀN BÀ TRONG XÃ HỘI DO THÁI

Trong bối cảnh vừa nêu trên, người đàn bà có chỗ đứng ra sao? Xã hội nông nghiệp miền Galilê được cấu trúc theo mẫu gia đình rộng rãi. Nhiều cặp vợ chồng và con cái cùng có thể sống chung trong một căn nhà, cho nên anh em và bà con họ hàng đều lớn lên cùng nhau.

Bình thường, người đàn bà bị coi như thấp kém hơn nam giới. Đàn bà, trẻ nhỏ và dân nô lệ coi như dưới vị thành niên và lời chứng của họ trước tòa án không có giá trị. Họ không có tiếng nói trong xã hội. Ngoài đường, người đàn bà luôn đi sau người chồng hoặc người đại diện quyền hành. Một người đàn ông, dù là người chồng, không bao giờ nói chuyện với vợ mình ngoài đường. Những cặp đã được thuận cưới cũng không bao giờ nói chuyện riêng tư với nhau. Thời

gian đám hỏi thường kéo dài khoảng chừng một năm, và sau đó người đàn ông đến rước cô thiếu nữ về nhà mình.

- Việc học hành cho người đàn bà

Câu hỏi đặt ra cô thiếu nữ Maria có biết đọc, biết viết không? Các cô gái Ítraen thời bấy giờ không được đi học, hẳn rằng không biết viết. Nghề viết thường dành cho các kinh sư, và ngay cả một số thượng tế cũng còn không biết đọc. Ngoài ra, những cuộn Kinh Thánh thường có tại nhà những người có học hay tại những nơi cộng đoàn như Qumran, chứ không thể nào thấy được ở nhà người dân hay trong xóm làng. Trong hội đường thường có kinh Tora, cuốn Ngôn sứ (Isaia) và Thánh vịnh. Tại Nazareth không có trường hội đường. Ngoài bối cảnh trên, việc đọc sách không được thực hành, còn việc dạy học dựa trên kinh Tora hay những truyền thống truyền khẩu đều do các kinh sư theo hệ phái Phariseu đảm trách. Họ huấn luyện để có những người có thể đọc sách cho ngày Sabát, và chắc chắn không có các phụ nữ trong thành phần này. Khi có nhóm tụ họp quanh ông Nokhêmia, các bà và các trẻ nhỏ phải im lặng (8,3). Trong cộng đoàn kiều cư các bà được thoảng hơn như sách Công vụ tông đồ ghi nơi 16,13: *“Ngày Sabát, chúng tôi ra khỏi cổng thành, men theo bờ sông, đến một chỗ chúng tôi đoán chừng có nơi cầu nguyện. Chúng tôi ngồi xuống nói chuyện với những phụ nữ đang họp nhau tại đó”*. Người phụ nữ hỏi chuyện với chồng tại nhà, và có thể đọc vài lời chúc tụng hay tạ ơn. Có chuyện kể rabbi Joseph ben Azzai (Giuse con ông Azzai) đòi hỏi một người cha gia đình phải dạy cho cô con gái. Vào thế kỷ thứ II có cô Béruria, con gái một rabbi người Galilê trở thành vợ rabbi Meir, nổi tiếng vì giỏi về Lễ Luật. Cô Maria giống các thiếu nữ cùng thị trấn thời bấy giờ hơn. Họ sống trong nhà và học theo bằng cách nghe chồng và con trẻ kể lại những điều học được từ bên ngoài.

Thế nhưng họ cũng lo lắng việc dạy tôn giáo cho con cái như lời sách Châm ngôn: “*Này con, giáo huấn của cha, con hãy nghe, lời dạy của mẹ, con đừng gạt bỏ*” (1,8). Điều xảy ra cho ông Timôthê, được học hỏi đạo giáo với mẹ và bà ngoại (2Tm 1,5).

- Vai trò người mẹ

Đối với người Do thái, một người đàn bà son sẻ coi như mối nhục và bị kết án. Người chồng có thể ruồng rẫy nếu như người đàn bà không thể sanh con trong vòng 10 năm. Khi họ trở thành bà mẹ, nhất là khi được một con trai, họ hoàn thành vai trò, và được kính nể vì cho chồng một đứa con và cho xã hội một người đàn ông.

Bà mẹ Do thái có bốn phận chăm lo và giáo dục các trẻ nhỏ. Bà tham dự lễ cắt bì con trẻ. Dấu chỉ giao ước khi con trẻ vừa được 8 ngày. Trong lễ cắt bì, người con nhận tên gọi. 33 ngày sau, bà mẹ phải mang con mình lên Đền thờ Giêrusalem (nếu có thể), hoàn tất việc dâng của lễ làm việc thanh tẩy, vì người đàn bà bị coi ô uế khi sanh nở. Thời gian thanh tẩy khi sinh con gái là 66 ngày.

Khi được 5 tuổi, con trai đi học tại hội đường. Học “Hazan” tức là đọc lẩm nhẩm kinh Tora và đào sâu bằng cách đặt câu hỏi. Con gái chỉ được học tại nhà: căn bản kinh Tora, và những điều lệ về thức ăn uống và truyền thống các ngày lễ cử hành tại gia.

Năm 13 tuổi, con trai rời khỏi mẹ và được người đàn ông chăm lo. Anh không còn chơi với các chị, em gái hay chị em họ hàng. Người con trai lúc này bước vào tuổi trưởng thành qua nghi lễ “bar mizvah”, có quyền đọc “Parasha”, một đoạn Kinh Tora tại Hội đường. Từ đó anh thuộc thành phần “minyan” thuộc tổng số người cần thiết cho việc đọc kinh chung.

Trong khi đó, cô con gái ở tuổi 13 lên tuổi cập kê, nên đầu phải che khăn. Bình thường họ lập gia đình vào khoảng tuổi 12 đến 14, với một người đàn ông do cha mẹ lựa chọn. Lời hứa hôn, đám hỏi như những buổi lễ quan trọng trong gia đình. Lời hứa quan trọng và chỉ có thể cắt đứt với những lý do nghiêm trọng.

- Bà chủ trong gia đình

Công việc người đàn bà Do thái chủ yếu lo việc trong gia đình, và giúp người nam chu toàn bốn phận hầu trở thành những người Do thái đạo đức và có kiến thức. Vai trò người đàn bà trong gia đình được đánh giá quan trọng. Bà sửa soạn bột, nướng bánh mì và bánh mật; dệt len cừu, thêu thùa... Bà phải coi chừng việc rửa chén bát, phải chia cho đúng cái nào dành cho thịt và đồ nào dành cho sữa. Bà phải chăm sóc thức ăn đúng theo những điều ghi trong khoản luật.

C. CA TỤNG THIÊN CHÚA

Kinh Thánh nuôi dưỡng đời sống tôn giáo của người Do thái. Họ thuộc lòng nhiều đoạn Kinh Thánh và cuộc sống tôn giáo tràn đầy trong cuộc sống. Đàn ông thường xuyên đi cầu nguyện tại hội đường. Họ khoác chiếc “tallith” (tấm vải trắng lớn) với những tua trộn lẫn bằng chỉ xanh da trời. Màu xanh rất hiếm và đắt. Họ đặt trên trán và trên cánh tay “tephillim” một cuộn da ở trong đó có hai hộp nhỏ đựng những đoạn Kinh Thánh ghi trên mảnh da cừu. Người đàn bà không nhất thiết phải tham dự buổi cầu nguyện tại hội đường, nhưng khi họ muốn có thể đến tham dự. Họ thường cầu nguyện tại nhà với lời kinh “Shema Ítraen”: *“Nghe đây hỡi Ítraen, Thiên Chúa...”*, và trong nhiều hoàn cảnh khác còn có lời kinh chúc tụng: *“Chúc tụng Thiên Chúa, Đấng hằng hữu, Thiên Chúa chúng tôi...”*.

Mỗi tuần người đàn bà sửa soạn ngày Sabát. Ngày bắt đầu từ tối thứ sáu sang tối thứ bảy (khi mặt trời lặn). Thời gian Sabát không ai làm việc. Bữa ăn phải thịnh soạn nên mọi việc phải xong ngày hôm trước. Nhà cửa cũng được trang hoàng xứng đáng cho ngày lễ.

Người Do thái tụ họp nhau ngày Sabát tại hội đường. Tại đây lưu giữ nhiều cuộn Lễ Luật và một cái tủ thánh còn gọi hòm bia. Tất cả vật này được tôn kính. Mỗi làng đều có một hội đường nơi tụ họp cầu nguyện và nghe Kinh Tora. Đôi khi, hội đường còn quan trọng hơn đền thờ đối với một số người vì đền thờ xa quá, và người ta chỉ đến đó dịp đại lễ; còn hội đường là nơi họ gặp gỡ nhau thường xuyên hơn. Hội đường còn là nơi dân chúng tập luyện đức tin và lòng đạo đức. Nếu như người đàn bà tham dự, họ sang chỗ dành riêng cho phụ nữ và không bao giờ được vào tổng số mười người có bổn phận khai mạc giờ cầu nguyện. Họ không được đọc kinh Tora tại hội đường.

D. THEO NHỊP ĐIỀU CÁC LỄ LỚN

Các lễ lớn ngắt nhịp cuộc sống người phụ nữ Do thái trong gia đình, vì họ phải sửa soạn các ngày lễ đó, theo đúng những gì ghi trong Lễ luật.

- **Lễ Vượt Qua (Pessah):** lễ lớn nhất mừng vào tháng Nisan (tháng 3 - tháng 4) nhớ lại việc ông Môsê đưa dân Do thái ra khỏi đất Ai cập. Lễ tạ ơn Thiên Chúa can thiệp giải phóng dân Người chọn ra khỏi kiếp nô lệ. Người ta đoán có khoảng 200.000 khách hành hương về Giêrusalem trong dịp lễ. Lễ kéo dài một tuần. Chiều ngày 14 tháng Nisan, tại Đền thờ người ta giết những con chiên sẽ ăn trong gia đình khi mặt trời đã lặn. Trước ngày lễ, tất cả mọi gia đình cần phải ăn hết hoặc thu dọn mọi mẩu bánh mì, hoặc những bánh có men còn lại. Người đàn bà có bổn phận làm việc này cho thật sạch sẽ. Sau đó, bà

làm và nướng bánh không men, soạn rau đắng, làm thịt theo truyền thống. Tối đến, bà soạn bàn và chén bát đúng theo mỗi thứ cần dùng. Trong vòng 8 ngày, bà chỉ làm những món ăn không dậy men.

- **Lễ Ngũ Tuần (Chavouoth):** 4 tuần sau lễ Vượt qua, tức là 50 ngày sau là lễ đầu mùa màng hay lễ các Tuần (Xh 23,16; 34,22); nhưng lễ mừng kính việc ban Lễ luật trên núi Sinai.

- **Lễ đầu năm mới (Roch hachana):** ngày đầu năm theo lịch được soạn theo niên đại Sáng thế, lúc tiếng tù và Chofar (làm bằng sừng cừu đực) thổi lên, kêu mời mọi người thức tỉnh và bắt đầu năm mới can đảm với nhiều điều thực hiện tốt lành.

- **Lễ Sám hối (Yom Kippour):** 10 ngày sau lễ minh niên đến lễ sám hối hay ngày tha thứ nhắc lại việc tẩy uế Đền thờ. Đàn ông và đàn bà sửa soạn lễ một cách riêng biệt. Nghi thức lễ: mỗi năm một lần, vị Thượng tế vào nơi cực thánh để dâng máu hy tế tha tội.

- **Lễ Hanukkha hay lễ Ánh sáng** kéo dài 8 ngày, nhớ lại việc cung hiến Đền thờ do anh em nhà Macabê làm 200 năm trước đây khi họ chiến thắng trên người Hy lạp và người Syrie. Trong lễ, người ta đốt “menorah”, chân nến với 7 ngành; ngoài cửa sổ để những ánh đèn nhỏ nhắc việc tìm thấy lại lọ thủy tinh chứa dầu còn y nguyên trong Đền thờ bị ô uế, và khi đốt lên vẫn còn cháy sáng trong 8 ngày.

- **Vào mùa thu còn có lễ Lều hay Sukkot** nhớ lại thời gian sống trong hoang địa thời Xuất hành. Mỗi gia đình dựng một cái lều trong vùng phụ cận thành phố, đôi khi dựng ngay lan can nhà mình hoặc trong phòng ở. Trong vòng 7 ngày, người trong gia đình vào trong đó để cầu nguyện. Ngày thứ 8 long trọng hơn; và người ta mừng việc gặt mùa thu và cả gia đình tạ ơn Thiên Chúa.

- **Lễ Pourim hay lễ vận may**, kỷ niệm việc hoàng hậu Esther, vợ vua Ba Tư Assuérus, can đảm cứu dân thoát khỏi hiểm họa diệt vong. Trong lễ, các bà mẹ giúp các con mình hóa trang.

- Thêm nữa, có thể nói đến lễ **“néoménie”** hay lễ hội trăng tròn, nhắc nhở người Do thái mỗi tháng ý thức đổi mới cuộc sống không ngừng.

Gia đình Do thái rất tôn trọng những người đã khuất, cho nên dịp tang chế thường qui tụ gia đình bà con họ hàng, và người đàn bà bận rộn phải làm theo điều ghi trong sách luật. Dấu chỉ tẩy uế phải xé áo và mặc đồ mới vì khi họ phải đụng vào xác một người qua đời coi như bị ô uế. Việc để tang kéo dài 30 ngày.

Người đàn bà Do thái sống cách sống động những lễ trên qua việc họ chu toàn bổn phận sửa soạn lễ. Những dịp trên cũng như dịp họ truyền lại cho con cái truyền thống văn hóa và tôn giáo cha ông.

E. PHỤNG TỰ TRONG ĐỀN THỜ

Đền thờ: được vua Hêrôđê trùng tu cách lộng lẫy, tọa lạc giữa một tể đàn gần 300 x 500 m. Nơi thánh có Thiên Chúa hiện diện, nên việc lui tới có một quy định khắt khe. Nơi cực thánh là một gian để

trông, có trướng phủ, xưa kia để hòm bia Giao ước¹. Chỉ một mình thầy Thượng tế mỗi năm một lần mới được vào trong dịp lễ Kippour. Tiếp đến có tiền đình thứ nhất dành cho các Tư Tế, sau đến tiền đình dành cho các ông. Tiền đình dành cho phụ nữ tách biệt với tiền đình dành cho dân ngoại bởi một trụ lang, mà người ngoại nào bước qua sẽ phải chết.

Đền thờ như trung tâm tôn giáo, và trung tâm chính trị (nơi có Thượng Hội đồng) và trung tâm kinh tế cho cả nước với mọi hình thức sinh hoạt.

Khi có thể đi được, mọi gia đình Do thái đều đi hành hương lên Giêrusalem dịp lễ Vượt qua hoặc một dịp lễ lớn nào đó. Hành hương là một việc làm quan trọng. Từ Galilê, người ta tổ chức thành từng đoàn để được bảo đảm an toàn. Di chuyển bằng cách đi bộ, và đồ đạc hành lý hoặc những khách hành hương yếu sức được đặt trên lưng lừa. Cuộc hành trình kéo dài khoảng 3 hoặc 4 ngày. Tại Giêrusalem, bình thường họ được bà con họ hàng hoặc bạn bè tiếp đón. Một dịp tốt tìm về gặp gỡ, và sự hiếu khách mang chiều kích quan trọng đối với người Do thái.

Đến gần ngày lễ, khách hành hương càng chen lấn nhau nơi tiền đường Đền thờ. Tại đây họ trao đổi, buôn bán. Tại Giêrusalem, khách hành hương gặp nhiều người nghèo ăn xin. Ngoài ra những bệnh nhân, kẻ tàn tật bị coi như ô uế chỉ thỉnh thoảng mới được chăm sóc.

¹ Hòm bia giao ước làm bằng gỗ cây keo có bọc vàng, dài 1,25m x rộng 0,75m có những vòng khoanh để xỏ cây vào khiêng. Hòm bia chứa đựng những bản luật Thiên Chúa trao ban cho ông Môsê. Hòm bia được đặt dưới lều làm bằng da cừu và đi theo dân Do thái suốt hành trình di dân. Đavít đã đưa hòm bia về đặt tại Giêrusalem và vua Salomon xây cất đền thờ đặt hòm bia vào trong đó. Hòm bia bị thiêu hủy khi thành Giêrusalem bị tàn phá năm 587 trước công nguyên (x. Xh 25 và 37; 2Sm 6; 1V 8)

Trên một tế đàn rộng 25 x 7,5m, người ta sát tế buổi sáng và buổi chiều một con chiên làm lễ tế muôn đời, và nhiều hiến tế riêng tư khác. Vào các ngày đại lễ, lễ tế tăng gấp bội. Tư tế và Lêvi làm việc vất vả, và dân chúng chen lấn nhau. Trước khi ăn chiên vượt qua ở gia đình, người ta mua chiên và đem con vật đến đây sát tế. Đối với dân nghèo thuộc miền Galilê, khi không mua nổi con chiên, họ mua 2 chim bồ câu. Sau đó, chỉ có đàn ông và con trai từ 13 tuổi mới mang vật hiến tế vào nơi tiền đình dành cho đàn ông. Các bà đứng nơi tiền đình dành riêng cho họ. Vật hiến tế trao cho các tư tế đặt lên bàn thờ, Không ai biết nghi thức hiến tế xảy ra làm sao, nhưng họ biết mình đang ở trong Nhà Chúa. Họ hiệp thông bằng lời cầu nguyện và mang lòng tôn kính mà Đền thờ gọi húng.

Tất cả những điều trên thuộc môi trường sống của Đức Maria cho những ngày ngài sinh sống tại Nazareth. Thời còn nhỏ, chắc chắn Myriam đã thâm nhập trong môi văn hóa truyền thống Do thái giáo. Khi đến tuổi lập gia đình, Myriam được cha mẹ chọn lựa thuận cưới với một người sống bằng nghề tiểu công nghệ. Một phụ nữ ở nhà, mỗi tuần nàng không quên bồn phận sửa soạn cho ngày Sabát. Myriam còn làm mẹ một người con trai, nàng có bồn phận dạy dỗ và giáo dục với tình thương và lối sống đạo đức, đúng theo lề luật Môsê, trong bối cảnh gia đình rộng lớn tại Galilê.

Muốn biết một cách chính xác cuộc đời Đức Maria cần đặt ngài vào trong môi trường xã hội Do thái thời bấy giờ, tức là bối cảnh chung cho toàn thể phụ nữ Do thái tại miền Galilê. Chính nơi không gian và thời gian đó với những luật lệ tôn giáo mà Đức Maria đã nhận lãnh vào thẳm sâu tâm hồn. Ngài làm cho triển nở nền nhân bản và đời sống thiêng liêng. Ngài thực hiện cuộc sống thành cuộc đời duy nhất, ghi sâu lại cho nhân thể với nhiều hình ảnh sống động.